

Số: 38/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện,  
thu, chi ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính  
phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa  
phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính –  
ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa  
phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí  
và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và  
các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và  
dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2023;

Xét Tờ trình số 293/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân huyện Hòn Đất về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn  
huyện, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-  
HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân  
huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thu, chi  
ngân sách địa phương năm 2023. Cụ thể như sau:

**1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 106.000 triệu đồng.

**2. Thu ngân sách địa phương**

Tổng thu ngân sách địa phương 881.707 triệu đồng, bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 67.800 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 756.749 triệu đồng.
- Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang 57.158 triệu đồng.

**3. Chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương 881.707 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển 229.121 triệu đồng.
- Chi thường xuyên 607.609 triệu đồng.
- Chi các lĩnh vực khác 16.959 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách 12.270 triệu đồng.
- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương 15.748 triệu đồng.

(Kèm theo các Biểu mẫu số 15, 16, 17, ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất khóa X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký. /.

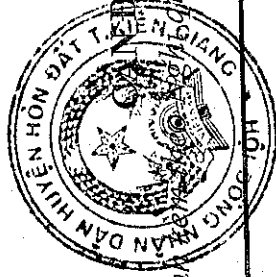
**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- LĐVP HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Đỗ Văn Tân**

Biểu mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP  
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



**HỘI ĐỒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (hiện hành)	Ước TH năm 2022 (hiện hành)	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	987.183	987.188	881.707	-105.481	89,3%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	65.600	65.605	67.800	2.195	103,3%
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.100	5.028	5.000	-28	99,4%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	53.700	51.397	58.600	7.203	114,0%
-	Thu tiền SDD huyện được để lại chi đầu tư	6.800	9.180	4.200	-4.980	45,8%
II	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	724.421	724.421	756.749	32.328	104,5%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	469.085	469.085	495.471	26.386	105,6%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	255.336	255.336	261.278	5.942	102,3%
III	<b>Thu kết dư</b>	0	0	0	0	
IV	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	197.162	197.162	57.158	-140.004	29,0%
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	987.183	987.188	881.707	-105.481	89,3%
I	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	900.742	826.728	881.707	54.979	106,7%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	145.138	124.505	229.121	104.616	184,0%
2	Chi thường xuyên	742.641	689.260	607.609	-81.651	88,2%
3	Chi các lĩnh vực khác			16.959	16.959	
4	Dự phòng ngân sách	11.545	11.545	12.270	725	106,3%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022 (hiện hành)	Ước TH năm 2022 (hiện hành)	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.418	1.418	15.748	14.330	
II	Chi nộp ngân sách cấp trên	29.283	29.283		-29.283	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	57.158	131.177		-131.177	0,0%

Biểu mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP  
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

**PHƯƠNG AN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023**

theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Hòa Đông

Đơn vị: Triệu đồng



Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	91.500	50.873	106.000	67.800	115,8%	133,3%
I	Thu nội địa	91.500	50.873	106.000	67.800	115,8%	133,3%
1	Khu vực DNNN địa phương	1.900	0	1.450	0	76,3%	
	- Thuế VAT, TNDN	1.900	0	1.450	0	76,3%	
	+ Thuế VAT	650	0	800	0	123,1%	
	+ Thuế TNDN	1.250	0	650	0	52,0%	
2	Thu thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	23.800	21.800	36.700	35.600	154,2%	163,3%
	- Thuế VAT, TNDN	21.800	21.800	35.600	35.600	163,3%	163,3%
	+ Thuế VAT	19.300	19.300	31.400	31.400	162,7%	162,7%
	+ Thuế TNDN	2.500	2.500	4.200	4.200	168,0%	168,0%
	- Thuế tài nguyên	2.000	0	1.100	0	55,0%	
3	Lệ phí trước bạ	21.000	21.000	23.000	23.000	109,5%	109,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	21.000	0	20.900	0	99,5%	
5	Thu tiền sử dụng đất	6.500	4.000	7.000	4.200	107,7%	105,0%
6	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	4.290	0	4.400	0	102,6%	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	316	0	0	0		

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
8	<b>Thu phí và lệ phí</b>	<b>5.426</b>	<b>1.838</b>	<b>6.200</b>	<b>2.250</b>	<b>114,3%</b>	<b>122,4%</b>
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	2.943	0	3.700	0	125,7%	
	- Phí, lệ phí tỉnh hưởng	645	0	250	0	38,8%	
	- Phí, lệ phí huyện hưởng	871	871	1.050	1.050	120,6%	120,6%
	- Phí, lệ phí xã hưởng	967	967	1.200	1.200	124,1%	124,1%
9	<b>Thu khác</b>	<b>7.268</b>	<b>2.235</b>	<b>6.350</b>	<b>2.750</b>	<b>87,4%</b>	<b>123,0%</b>
	- Thu khác Trung ương hưởng	1.053	0	2.800	0	265,9%	
	- Thu khác ngân sách tỉnh hưởng	3.980	0	800	0	20,1%	
	- Thu khác cân đối huyện	369	369	1.650	1.650	447,2%	447,2%
	- Thu khác cân đối xã	1.866	1.866	1.100	1.100	58,9%	58,9%

Biểu mẫu số 17

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP  
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)



**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023**  
theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của HĐND huyện Hòa Đông

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	987.183	881.707	-105.476	89,3%
A	<b>CHI CÁN ĐỐI NSDP</b>	930.025	881.707	-48.318	94,8%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	145.138	229.121	83.983	157,9%
a	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	145.138	229.121	83.983	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	53.277	46.150	-7.127	
-	Chi Văn hóa - Thông tin	11.599	6.359	-5.240	
-	Chi Thể dục - Thể thao	1.633		-1.633	
-	Chi Phát thanh - Truyền hình	1.635	1.151	-484	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	2.054	3.324	1.270	
-	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	105		-105	
-	Chi các hoạt động kinh tế	58.140	156.965	98.825	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	13.753	15.112	1.359	
-	Chi đảm bảo xã hội	2.942	60	-2.882	
b	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	145.138	229.121	83.983	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.802	4.200	2.398	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	85.928	79.071	-6.857	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
-	Chi đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	25.763	40.515	14.752	
-	Chi đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia	21.274		-21.274	
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương	500	50.000	49.500	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (tính bổ sung)	0	25.000	25.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu hợp đồng xây dựng cơ sở hạ tầng			0	
-	Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác thuộc ngân sách cấp huyện	9.871	30.335	20.464	
II	Chi thường xuyên	742.641	607.609	-135.032	81,8%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	294.060	277.904	-16.156	94,5%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
III	Chi các lĩnh vực khác		16.959	16.959	
IV	Dự phòng ngân sách	11.545	12.270	725	106,3%
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.418	15.748	14.330	1110,6%
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên	29.283		-29.283	
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	57.158		-57.158	